TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAI LẬY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 115/2021/HNGĐ-ST Ngày: 22-11-2021 V/v tranh chấp "Ly hôn"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Thực;

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Huỳnh Văn Thanh;
- Ông Nguyễn Anh Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Luận - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 22 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 53/2021/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2021 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 113/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Hồng Th, sinh năm 1977; cư trú tại: Ấp M1, xã MT, huyện TB, tỉnh Vĩnh Long. (Xin vắng mặt)

- *Bị đơn:* Anh Danh Thanh T, sinh năm 1979; cư trú tại: Ấp A, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, nguyên đơn, chị Lê Thị Hồng Th trình bày: Chị và anh Danh Thanh T tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có thời gian tìm hiểu khoảng hơn 01 năm, tổ chức đám cưới ngày 06-9-2007 nhưng đến ngày 30-8-2011 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Sau khi đám cưới, vợ chồng thuê nhà trọ sống ở Thành phố Hồ Chí Minh để đi làm công nhân. Khi chị sinh con ở Vĩnh Long vào năm 2012, anh T vẫn tiếp tục đi làm ở thành phố, đôi khi mới về thăm chị và con. Đến khi con chị hơn 02 tuổi thì chị gửi con cho cha mẹ chị nuôi dưỡng, chị đi thành phố tiếp tục công việc. Lúc đó, vợ chồng vẫn chung sống vui vẻ bình thường, khoảng 02 năm thì anh T tự dưng bỏ đi vào ngày 12-01-2017 âm lịch, sau đó có người đến đòi tiền thì chị mới phát hiện anh T bỏ đi vì thiếu nợ cờ bạc. Chị bán hết vàng cưới, tiền dành dụm để trả lãi cho

anh T, một thời gian thì các con nợ cũng không còn đòi chị nữa vì chị không còn tiền để trả. Anh T thỉnh thoảng có gọi điện thoại về cho chị, nhưng không trở về chung sống, anh T nói hiện nay ở Gia Lai lái xe cẩu nhưng không rõ địa chỉ cụ thể. Chị khuyên anh T về quê để vợ chồng chung sống nhưng anh T không chịu về, chị cũng không biết lý do vì sao. Từ tết nguyên đán năm 2020 đến nay anh T không còn liên lạc gì với chị, chị cũng không liên lạc được với anh T. Vợ chồng đã không còn chung sống từ ngày 12-01-2017 âm lịch đến nay và giờ anh T không còn quan tâm gì đến chị và con. Nay chị còn thương anh T nhưng không nhiều, mục đích hôn nhân không đạt được và không có khả năng hàn gắng nên chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Có 01 con chung là cháu Danh Lê Thủy T1, sinh ngày 28-3-2012, hiện do phía gia đình chị trực tiếp nuôi dưỡng, cháu đang học lớp 3 ở Vĩnh Long, sang năm lên lớp 4, chị gửi con cho cha mẹ ruột chị nuôi nên yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, dù anh Danh Thanh T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị Th, vắng mặt trong các phiên họp và tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Lê Thị Hồng Th và anh Danh Thanh T tranh chấp về ly hôn; anh T cư trú tại ấp A, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang, không có cơ sở xác định nơi cư trú mới của anh T. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì thẩm quyền giải quyết vụ án là của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy.

[2] Bị đơn, anh Danh Thanh T không có đơn xin xét xử vắng mặt, đã được Tòa án tiến hành triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Chị Lê Thị Hồng Th có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt anh T, chị Th.

[3] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Hôn nhân giữa chị Lê Thị Hồng Th và anh Danh Thanh T là hợp pháp vì có đăng ký và được Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 99 ngày 30-8-2011. Mâu thuẫn vợ chồng được chị Th cho là do anh T bỏ nhà đi, không còn quan tâm, chăm sóc vợ con từ năm 2017 đến nay. Thời gian sống ly thân đã lâu nhưng anh T, chị Th không có biện pháp gì để hàn gắng tình cảm vợ chồng. Tình trạng hôn nhân giữa hai bên do chị Th nêu, nhưng anh T không có ý kiến gì phản đối là tự mình từ bỏ nghĩa vụ chứng

minh. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh T cũng không đến hòa giải, điều đó đã cho thấy anh T không còn quan tâm đến hôn nhân với chị Th. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân của anh T, chị Th đã trầm trọng, đời sống chung không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được; hai bên không có biện pháp khắc phục nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Th.

[4] Về con chung: Giữa chị Th và anh T có 01 con chung là cháu Danh Lê Thủy T1, sinh ngày 28-3-2012 hiện do chị Th đang nuôi dưỡng, có đủ điều kiện để nuôi con và cháu T1 cũng có nguyện vọng được sống với mẹ. Anh T không có ý kiến gì về việc chị Th nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy việc giao cho chị Th tiếp tục nuôi con là phù hợp. Chị Th không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Th, anh T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Lê Thị Hồng Th là nguyên đơn khởi kiện vụ án hôn nhân gia đình nên phải chịu án phí theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Hồng Th. Cho chị Lê Thị Hồng Th được ly hôn với anh Danh Thanh T.

2. Về con chung:

Giao cháu Danh Lê Thủy T1, sinh ngày 28-3-2012 cho chị Lê Thị Hồng Th là người trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn.

Anh Danh Thanh T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Th chưa yêu cầu. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Lê Thị Hồng Th phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình, nhưng được trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 000**38 ngày 01-3-

2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang nên xem như đã thi hành xong.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- Chi cục THADS huyện Cai Lậy;
- UBND xã P, huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Nguyễn Anh Thực